ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25/2012/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 25 tháng 7 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/10/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh Khoá XI, kỳ họp thứ 4 về việc ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định sửa đổi, bổ sung một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Thuế tỉnh hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Biểu mức thu phí bến, bãi, mặt nước tại cảng cá Qui Nhơn được quy định tại Quyết định số 33/2003/QĐ-UB ngày 24/02/2003 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành mức thu và tỉ lệ để lại đối với phí bến bãi mặt nước tại

Cảng cá Quy Nhơn; Thay thế mức thu phí sử dụng bến, bãi tại cảng cá Qui Nhơn được quy định tại Quyết định số 01/2004/QĐ-UB ngày 02/01/2004 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành và bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh; Thay thế nội dung quy định về phí đấu giá tài sản và phí đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 15/8/2007 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Trưởng ban Ban quản lý Giải phóng mặt bằng và Phát triển quỹ đất tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- TT Công báo;
- Lưu: VT, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hồ Quốc Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của UBND tỉnh)

I. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng:

***1. Đối tượng thu lệ phí**:*

Là các công trình xây dựng, bao gồm xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, sửa chữa lớn, trùng tu, tôn tạo thuộc diện phải được cấp giấy phép xây dựng bao gồm cả công trình nhà ở riêng lẻ của nhân dân trên toàn tỉnh.

***2. Đối tượng nộp lệ phí**:*

Là các chủ đầu tư công trình và nhân dân xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

***3. Cơ quan thu**:*

- Sở Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

***4. Mức thu**:*

- Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 50.000 đồng/1 giấy phép;
- Cấp phép xây dựng các công trình khác: 100.000 đồng/1 giấy phép;
- Trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng: 10.000 đồng/lần.

5. Tỷ lệ % để lại:

Cơ quan thu được để lại 15% trên số tiền lệ phí cấp giấy phép xây dựng thu được để chi theo quy định, còn lại 85% nộp ngân sách nhà nước.

II. Mức thu phí sử dụng lề đường, bến, bãi tại Cảng cá Quy Nhơn:

Số TT	Phí sử dụng lề đường, bến, bãi	Đơn vị tính	Mức thu
I	**Mặt bằng nhà phân loại**		
1	Mặt bằng sử dụng ngắn hạn (thời gian dưới 30 ngày)	Đồng/m^2/ngày	2.000
2	Mặt bằng sử dụng dài hạn	Đồng/m^2/tháng	
	- Vị trí KD thuận lợi		25.000
	- Vị trí KD bình thường		20.000
	- Vị trí KD không thuận lợi		15.000
II	**Mặt bằng lề đường, bến, bãi**		
1	Mặt bằng sử dụng ngắn hạn (thời gian dưới 30 ngày)	Đồng/m^2/ngày	1.000
2	Mặt bằng sử dụng dài hạn	Đồng/m^2/tháng	15.000

III. Phí đấu giá tài sản:

1. Đối tượng nộp phí:

- Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 phải nộp phí đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, trừ trường hợp bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các trường hợp do Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện.

- Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 phải nộp phí tham gia đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản.

2. Đơn vị thu phí:

- Hội đồng bán đấu giá tài sản;

- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản;

- Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (bao gồm Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề có kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản).

3. Mức thu:

a) Mức thu phí đấu giá tài sản.

- Trường hợp bán đấu giá tài sản thành thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá, theo quy định như sau:

Số TT	Giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá	Mức thu
1	Dưới 50 triệu đồng	5% giá trị tài sản bán được.
2	Từ 50 triệu đến 1 tỷ đồng	2,5 triệu đồng + 1,5% giá trị tài sản bán được quá 50 triệu đồng.
3	Từ trên 1 tỷ đến 10 tỷ đồng	16,75 triệu đồng + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt 1 tỷ đồng.
4	Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng	34,75 triệu đồng + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ đồng.
5	Từ trên 20 tỷ đồng	49,75 triệu đồng + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ đồng. Tổng số phí không quá 300 triệu đồng/cuộc đấu giá.

- Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án, cơ quan tài chính thanh toán cho tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý quy định tại Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010, trừ trường hợp các bên có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

b) Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản:

Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá theo quy định như sau:

TT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	50.000
2	Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000
4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng.	500.000

4. Tỷ lệ % để lại cho đơn vị thu:

- Hội đồng bán đấu giá tài sản được sử dụng số tiền phí thu được của người tham gia đấu giá để trang trải các chi phí cho Hội đồng đấu giá tài sản, nếu thừa nộp vào ngân sách nhà nước.

- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản được để lại 70% trên số tiền phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài sản thu được, còn lại 30% nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đơn vị thu phí là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (trừ đấu giá quyền sử dụng đất): Phí đấu giá, phí tham gia đấu giá là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước được để lại cho đơn vị thu 100%. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế

theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

IV. Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất:

1. Đơn vị thu phí.

- Hội đồng bán đấu giá;

- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản;

- Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (bao gồm Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề có kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản).

2. Mức thu phí *(do bên tham gia đấu giá nộp).*

a) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

Số TT	**Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm**	**Mức thu** (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200 triệu đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
3	Trên 500 triệu đồng	500.000

Riêng mức thu phí tham gia đấu giá tại các huyện miền núi (gồm Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão) bằng 75% mức thu nêu trên.

b) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc phạm vi khoản a) nêu trên:

Số TT	**Diện tích đất**	**Mức thu** (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	3.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	4.000.000
4	Trên 5 ha	5.000.000

Riêng mức thu phí tham gia đấu giá tại các huyện miền núi (gồm Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão) bằng 75% mức thu nêu trên.

Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên bán đấu giá.

3. Tỷ lệ % để lại cho đơn vị thu.

Đơn vị thu phí của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất được sử dụng để chi trả các chi phí được phép chi theo quy định tại Thông tư số

48/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, phần còn lại chuyển về cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán cho các nội dung chi còn lại./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng